

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VĨNH BẢO
Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 22

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VINH BẢO
Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Lê Minh Tân

Ban Giám Đốc

Ông Đỗ Trung Khánh

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hiếu

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm soát viên

Ông Lê Văn Vường

Bổ nhiệm ngày 02/02/2021

Ông Nguyễn Văn Thạnh

Miễn nhiệm ngày 02/02/2021

Kế toán trưởng

Ông Vũ Văn Lượng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC - Chi nhánh Hà Nội.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VĨNH BẢO
Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Minh Tân

Chủ tịch Công ty

Vĩnh Bảo, ngày 26 tháng 7 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIME GLOBAL

Số: 44 /2021/AACHN-BCKT

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm giữa niên độ theo của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 19/7/2021, từ trang 6 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo tại ngày 30/06/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, Tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 04.3224 2403 / 04.6666 6369
Email: aac.hn@aac.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo cho giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020 do Công ty lập và chưa được soát xét, kiểm toán.



Hà Minh Long

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số
1221-2018-010-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC-CHI NHÁNH HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Mai Bình Thanh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số
2068-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.696.498.790	5.995.677.693
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.594.747.280	5.494.764.853
1. Tiền	111		2.594.747.280	5.494.764.853
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		979.506.730	358.198.680
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	912.275.647	302.967.597
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	180.000.000	180.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		12.000.000	-
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137		(124.768.917)	(124.768.917)
IV. Hàng tồn kho	140		117.619.645	142.423.175
1. Hàng tồn kho	141	7	117.619.645	142.423.175
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.625.135	290.985
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10.b	4.625.135	290.985
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		310.825.282.588	311.182.456.595
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		310.815.757.588	311.124.824.095
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	310.815.757.588	311.124.824.095
- Nguyên giá	222		331.342.650.662	331.760.650.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.526.893.074)	(20.635.826.567)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.525.000	57.632.500
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	9.525.000	57.632.500
TỔNG TÀI SẢN	270		318.521.781.378	317.178.134.288

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.054.738.905	1.633.395.143
I. Nợ ngắn hạn	310		1.054.738.905	1.633.395.143
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10.a	79.584.787	63.483.310
4. Phải trả người lao động	314		132.000.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		667.199.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		66.268.000	374.915
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		109.687.118	1.569.536.918
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		317.467.042.473	315.544.739.145
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	294.975.343.473	293.053.040.145
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		292.580.578.311	292.870.541.911
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.394.765.162	182.498.234
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		182.498.234	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.212.266.928	182.498.234
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		22.491.699.000	22.491.699.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		22.491.699.000	22.491.699.000
TỔNG NGUỒN VỐN	440		318.521.781.378	317.178.134.288



Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Vĩnh Bảo, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	01/01/2021-30/06/2021 VND	01/01/2020-30/06/2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	16.172.813.100	15.428.488.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		16.172.813.100	15.428.488.000
4. Giá vốn hàng bán	11	13	11.169.770.428	12.516.252.831
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.003.042.672	2.912.235.169
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	61.617.517	44.721.544
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15	2.814.793.749	2.912.235.169
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.249.866.440	44.721.544
11. Thu nhập khác	31	16	-	55.454.400
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	55.454.400
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.249.866.440	100.175.944
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	37.599.512	20.035.189
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.212.266.928	80.140.755



Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Vĩnh Bảo, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		15.637.303.030	16.065.210.755
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(3.072.961.151)	(5.425.447.913)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(8.084.495.400)	(7.777.314.900)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(10.000.000)	(35.579.737)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		745.159.500	914.883.725
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(4.179.277.469)	(4.286.626.344)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.035.728.510	(544.874.414)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.636.400	55.454.400
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		61.617.517	44.721.544
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		64.253.917	100.175.944
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.099.982.427	(444.698.470)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	5.494.764.853	4.443.963.679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	6.594.747.280	3.999.265.209



Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Vĩnh Bảo, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Vĩnh Bảo theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 06/07/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200110909 ngày 09/07/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 08/11/2018.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 12/256 khu phố Đông Thái, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 248.000.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám tỷ đồng). Vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2021 là 292.580.578.311 đồng (Hai trăm chín mươi hai tỷ, năm trăm tám mươi triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm mười một đồng)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Sửa chữa, tu bổ công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Vận hành hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các thành phần kinh tế khác và đời sống dân sinh;
- Bán buôn máy móc, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thủy lợi;
- Bán lẻ máy, nông cụ, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thủy lợi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất, dịch vụ nước sạch phục vụ sinh hoạt và các nhu cầu sản xuất trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo;
- Tư vấn lập thiết kế kết cấu các công trình thủy lợi, giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, xây dựng các công trình trong hệ thống; quản lý vốn và thủy lợi phí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Đối với các công trình nạo vét kênh, sửa chữa nâng cấp cống theo Quyết định giao của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hải Phòng bằng nguồn ngân sách không bao gồm nguồn cấp bù miễn thủy lợi phí, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, sẽ ghi nhận doanh thu và giá vốn, đồng thời ghi nhận tăng nguyên giá đối với các dự án sửa chữa nâng cấp kênh cống theo chi phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3.4 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 40
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	10

Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018 của Bộ Tài chính, theo đó, một số tài sản cố định thuộc các loại sau không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước;
- Tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đắp bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương...);
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

3.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo số tiền thanh toán thực tế cho bên nhà thầu. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 2 năm.

3.7 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm tài chính, doanh thu được xác định trên kết quả phản công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.7 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm doanh thu từ thủy lợi phí, doanh thu từ hoạt động sửa chữa, tu bổ, nạo vét kênh mương... phục vụ mục đích thủy lợi được cấp từ nguồn ngân sách.

Doanh thu từ hoạt động xây dựng, nạo vét kênh mương, tưới tiêu theo đơn đặt hàng của Sở Tài chính thành phố Hải Phòng, được ghi nhận dựa trên nguồn vốn ngân sách mà Sở Tài chính thực cấp về hàng năm.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

3.8 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

3.9 THUẾ

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động tưới tiêu, nạo vét kênh mương nội đồng không chịu thuế GTGT;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp của Công ty là 5% (không bao gồm hoạt động nạo, vét kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ nguồn thủy lợi phí).

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động khác của Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế là 20%. Các khoản thu nhập phát sinh từ dịch vụ tưới, tiêu nước, nạo vét kênh, mương nội đồng không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VINH BẢO

Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 01/01/2021-30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	136.928.873	172.819.473
Tiền gửi ngân hàng	2.457.818.407	5.321.945.380
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	4.000.000.000	-
Cộng	6.594.747.280	5.494.764.853

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	912.275.647	302.967.597
- Xã Trần Dương - Thủy lợi phí	89.797.917	89.797.917
- Ban quản lý dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn Hải Phòng	32.571.000	32.571.000
- Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng	712.561.185	-
- Công ty TNHH Thành An	19.845.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Trung Thu	18.427.500	-
- Ban quản lý dự án xây dựng huyện Vĩnh Bảo	1.000.000	134.618.000
- Công ty TNHH Đầu tư SX phát triển NN Vineco	-	41.287.680
- Các khoản phải thu khách hàng khác	38.073.045	4.693.000

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VĨNH BẢO
Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn 01/01/2021-30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Viện Kinh tế và Quản lý Thủy lợi	180.000.000	180.000.000
Cộng	180.000.000	180.000.000

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2021		Tại 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	117.619.645	-	142.423.175	-
Cộng	117.619.645	-	142.423.175	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dài hạn	9.525.000	57.632.500
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.525.000	57.632.500
Cộng	9.525.000	57.632.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2021	296.882.412.666	34.371.925.696	426.944.000	79.368.300	331.760.650.662
- Tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý tài sản	(418.000.000)	-	-	-	(418.000.000)
30/06/2021	296.464.412.666	34.371.925.696	426.944.000	79.368.300	331.342.650.662
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2021	15.404.761.164	4.724.753.103	426.944.000	79.368.300	20.635.826.567
- Khấu hao trong năm	16.466.507	-	-	-	16.466.507
- Thanh lý tài sản	(125.400.000)	-	-	-	(125.400.000)
30/06/2021	15.295.827.671	4.724.753.103	426.944.000	79.368.300	20.526.893.074
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2021	281.477.651.502	29.647.172.593	-	-	311.124.824.095
30/06/2021	281.168.584.995	29.647.172.593	-	-	310.815.757.588

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2021 là 506.312.300 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

a) Thuế và các khoản phải nộp

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế tài nguyên
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất
- Các loại thuế khác

Cộng

01/01/2021	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	30/06/2021
VND			VND
31.501.850	73.797.980	70.001.850	35.297.980
-	37.308.527	10.000.000	27.308.527
16.678.060	374.915	17.052.975	-
15.303.400	32.665.280	30.990.400	16.978.280
-	176.369.000	176.369.000	-
-	4.650.000	4.650.000	-
63.483.310	325.165.702	309.064.225	79.584.787

b) Thuế và các khoản phải thu

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân

01/01/2021	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	30/06/2021
VND			VND
290.985	290.985	-	-
-	-	4.625.135	4.625.135
290.985	290.985	4.625.135	4.625.135

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VĨNH BẢO

Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 01/01/2021-30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2020	288.042.213.111	181.281.079	288.223.494.190
- Tăng vốn trong năm	5.047.797.000	-	5.047.797.000
- Lãi trong năm	-	182.498.234	182.498.234
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(181.281.079)	(181.281.079)
- Giảm khác (*)	(219.468.200)	-	(219.468.200)
31/12/2020	292.870.541.911	182.498.234	293.053.040.145
01/01/2021	292.870.541.911	182.498.234	293.053.040.145
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	2.212.266.928	2.212.266.928
- Giảm khác (**)	(289.963.600)	-	(289.963.600)
30/06/2021	292.580.578.311	2.394.765.162	294.975.343.473

(*) Thanh lý Công Bảo Am theo Quyết định số 97 ngày 26/10/2020 của Công ty và văn bản số 8389/UBND-TL của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 30/12/2020.

(**) Thanh lý Công Hiệp Hòa theo văn bản số 152/UBND-TL ngày 15/3/2021 của UBND Thành Phố Hải Phòng.

12. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
- Doanh thu hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích	14.702.500.000	14.800.000.000
- Doanh thu bán nước thô	1.469.937.600	628.488.000
- Doanh thu xây lắp	375.500	-
Cộng	16.172.813.100	15.428.488.000

13. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
- Giá vốn cấp Thủy lợi phí	10.254.097.276	-
- Giá vốn bán nước thô	915.673.152	-
- Giá vốn cho cấp Thủy lợi phí và nước thô	-	12.516.252.831
Cộng	11.169.770.428	12.516.252.831

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VĨNH BẢO

Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 01/01/2021-30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
- Lãi tiền gửi	61.617.517	44.721.544
Cộng	61.617.517	44.721.544

15. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	2.225.655.300	2.143.277.400
- Chi phí đồ dùng văn phòng	102.750.500	159.964.400
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.440.487	13.456.488
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.121.509	300.996.441
- Chi phí bằng tiền khác	306.825.953	294.540.440
Cộng	2.814.793.749	2.912.235.169

16. THU NHẬP KHÁC

	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
- Thu từ thanh lý tài sản	-	55.454.400
Cộng	-	55.454.400

17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.249.866.440	100.175.944
Các khoản chi phí không được trừ	-	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	2.061.868.880	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	187.997.560	100.175.944
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	37.599.512	20.035.189
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.599.512	20.035.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ số dư khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VĨNH BẢO

Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 01/01/2021-30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả; trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Nợ phải trả tài chính	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
30/06/2021			
Phải trả người bán	-	-	-
Phải trả khác	66.268.000	-	66.268.000
Chi phí phải trả	667.199.000	-	667.199.000
Cộng	733.467.000	-	733.467.000
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	-	-	-
Phải trả khác	374.915	-	374.915
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	374.915	-	374.915

Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Theo đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI VINH BẢO

Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 01/01/2021-30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Tài sản tài chính	Không quá 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
30/06/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.594.747.280	-	6.594.747.280
Phải thu khách hàng và phải thu khác	787.506.730	-	787.506.730
Cộng	7.382.254.010	-	7.382.254.010
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.494.764.853	-	5.494.764.853
Phải thu khách hàng và phải thu khác	178.198.680	-	178.198.680
Cộng	5.672.963.533	-	5.672.963.533

19. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Vĩnh Bảo đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn 01/01/2020 – 30/6/2020 chưa được soát xét, kiểm toán.



Lê Minh Tân
Chủ tịch Công ty
Vĩnh Bảo, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Vũ Văn Lượng
Kế toán trưởng

Tô Thanh Tùng
Người lập biểu